

Số: 11 /2023/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật
hoạt động báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05/4/2016;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng
Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động
báo in, báo điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số
25/TTr-STTTT ngày 13/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh quy định mức tối đa các hao phí trực tiếp trong hoạt động sản xuất sản phẩm báo in, báo điện tử theo quy trình tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (sau đây gọi tắt là Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT), bao gồm:

- Hao phí về nhân công: Là thời gian lao động cần thiết của các cấp bậc lao động bình quân trực tiếp tham gia công việc nhất định phù hợp với quy trình hoạt động báo in, báo điện tử. Mức hao phí lao động trong định mức được tính bằng công, mỗi công tương ứng với 08 giờ làm việc.

- Hao phí về vật liệu: Là số lượng các loại vật liệu cụ thể và cần thiết sử dụng trực tiếp cho công việc nhất định trong hoạt động báo in, báo điện tử.

- Hao phí về máy móc, thiết bị: Là thời gian sử dụng các loại máy móc, thiết bị vào công việc nhất định phù hợp với quy trình hoạt động sản xuất báo

in, báo điện tử. Mức hao phí máy móc, thiết bị trong định mức được tính bằng ca sử dụng máy, mỗi ca tương ứng với 08 giờ.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử được quy định tại Quyết định này là căn cứ cho việc xây dựng phương án giá, dự toán sản xuất tác phẩm, sản phẩm báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước. Mức độ sử dụng ngân sách nhà nước cho việc thực hiện tác phẩm, sản phẩm báo in, báo điện tử đối với từng sản phẩm, dịch vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo qui định hiện hành.

c) Đối với các thể loại báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước chưa được quy định áp dụng cụ thể trong Quyết định này thì được áp dụng theo các thể loại tương ứng của Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản. Trong trường hợp không áp dụng được theo thể loại tương ứng thì tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành theo quy định hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan báo in, báo điện tử của tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước để hoạt động báo chí.

b) Các cơ quan, tổ chức của tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước để hoạt động báo in, báo điện tử.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này để hoạt động báo in, báo điện tử.

Điều 2. Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử trên địa bàn tỉnh

1. Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật công tác xây dựng bản thảo và biên tập bản thảo tác phẩm báo chí bằng 90% định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử theo quy định tại Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT.

2. Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thiết kế, chế bản áp dụng tối đa bằng 100% định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử theo quy định tại Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT.

3. Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thiết kế, chế bản, đăng tải báo điện tử áp dụng tối đa bằng 100% định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử theo quy định tại Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT.

4. Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật công tác in các loại ấn phẩm báo in áp dụng tối đa bằng 100% định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử theo quy định tại Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT.

5. Tên định mức và mã hiệu áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử trên địa bàn tỉnh theo (Phụ lục I, II, III, IV) ban hành

kèm theo Quyết định này được tham chiếu và áp dụng theo Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT.

6. Phương pháp và cách thức áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 (điểm a, b), khoản 4, mục IV, Phần I của Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT.

7. Điều kiện áp dụng và thành phần công việc thực hiện theo hướng dẫn tại Chương I, II, III, IV, Phần II của định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử của Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10.. tháng .5.. năm 2023.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh quyết định phương án giá sản xuất các sản phẩm báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính; hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng định mức hoạt động báo in, báo điện tử theo Quyết định này.

2. Sở Tài chính thẩm định phương án giá sản xuất các sản phẩm báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định thanh quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

3. Báo Bắc Ninh căn cứ vào Quyết định này, xây dựng phương án giá sản xuất các sản phẩm báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách nhà nước; báo cáo Văn phòng Tỉnh ủy, Sở Thông tin và Truyền thông.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Tài chính; Tổng biên tập Báo Bắc Ninh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phù hợp. /.

Nơi nhận: *Handwritten signature*

- Như Điều 4;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ TT&TT (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- VP UBND: VX, KTTH, LĐVP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Handwritten signature
Vương Quốc Tuấn

Phụ lục I

ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO CÁC THỂ LOẠI ÁP DỤNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

(Kèm theo Quyết định số 11 /2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Các cơ quan hoạt động báo in, báo điện tử của tỉnh áp dụng bằng 90% định mức kinh tế - kỹ thuật của Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT với các thể loại sau:

A. CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO TÁC PHẨM BÁO CHÍ CỦA TÒA SOẠN BÁO

| STT | Tên thể loại | Mã hiệu thể loại theo Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT |
|-----|--|--|
| I | THỂ LOẠI TIN, BÀI PHẢN ÁNH | |
| 1 | Tin vắn | 01.01.01.01 |
| 1.1 | Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại | |
| 1.2 | Tin có mức độ sử dụng tư liệu khai thác lại từ nguồn tin, bài trong nước | |
| 1.3 | Tin có mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài | |
| 2 | Tin ngắn | 01.01.01.02 |
| 2.1 | Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại | |
| 2.2 | Tin có mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước | |
| 2.3 | Tin có mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài | |
| 3 | Tin sâu | 01.01.01.03 |
| 3.1 | Tin không sử dụng tư liệu khai thác lại | |
| 3.2 | Tin có mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước | |
| 3.3 | Tin có mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài | |
| 4 | Bài phản ánh | 01.01.01.04 |
| 4.1 | Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại | |
| 4.2 | Bài có mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước | |
| 4.3 | Bài có mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài | |

| STT | Tên thể loại | Mã hiệu thể loại theo Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT |
|------------|--|--|
| II | THẺ LOẠI CHÍNH LUẬN | 01.01.02.01 |
| 1 | Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại | |
| 2 | Bài có mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài trong nước | |
| 3 | Bài có mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài | |
| III | THẺ LOẠI PHÓNG SỰ, KÝ SỰ, ĐIỀU TRA | |
| 1 | Bài phóng sự, ký sự | 01.01.03.01 |
| 1.1 | Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại | |
| 1.2 | Bài có mức độ sử dụng tư liệu khai thác lại từ nguồn tin, bài trong nước | |
| 1.3 | Bài có mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài | |
| 2 | Bài điều tra | 01.01.03.02 |
| 2.1 | Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại | |
| 2.2 | Bài có mức độ sử dụng tư liệu khai thác lại từ nguồn tin, bài trong nước | |
| 2.3 | Bài có mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài | |
| IV | THẺ LOẠI BÀI PHỎNG VẤN | 01.01.04.01 |
| 1 | Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại | |
| 2 | Mức độ sử dụng tư liệu khai thác lại từ nguồn tin, bài trong nước | |
| 3 | Mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài | |
| V | THẺ LOẠI BÀI NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI | 01.01.05.01 |
| 1 | Bài không sử dụng tư liệu khai thác lại | |
| 2 | Bài có mức độ sử dụng tư liệu khai thác lại từ nguồn tin, bài trong nước | |
| 3 | Bài có mức độ sử dụng tư liệu khai thác từ nguồn tin, bài nước ngoài | |
| VI | THẺ LOẠI ẢNH BÁO CHÍ | |
| 1 | Tin ảnh | 01.01.06.01 |
| 2 | Ảnh minh họa | 01.01.06.02 |

| | | |
|-------------|---------------------------------|-------------|
| VII | THẺ LOẠI TRANH BÁO CHÍ | |
| 1 | Tranh minh họa | 01.01.07.01 |
| 2 | Tranh biếm họa | 01.01.07.02 |
| VIII | THẺ LOẠI TRẢ LỜI BẠN ĐỌC | 01.01.08.01 |

B. CÔNG TÁC BIÊN TẬP BẢN THẢO TÁC PHẨM BÁO CHÍ CỦA TÁC GIẢ GỬI ĐĂNG

| STT | Tên thể loại | Mã hiệu chương trình theo Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT |
|-------------|--|--|
| I | THẺ LOẠI TIN | |
| 1 | Tin vắn | 01.02.01.01 |
| 2 | Tin ngắn | 01.02.01.02 |
| 3 | Tin sâu | 01.02.01.03 |
| II | THẺ LOẠI BÀI PHẢN ÁNH | 01.02.02.01 |
| III | THẺ LOẠI BÀI CHÍNH LUẬN | 01.02.03.01 |
| IV | THẺ LOẠI BÀI PHÓNG SỰ, KÝ SỰ, ĐIỀU TRA | |
| 1 | Bài phóng sự, ký sự | 01.02.04.01 |
| 2 | Bài phóng sự điều tra | 01.02.04.02 |
| V | THẺ LOẠI BÀI PHỎNG VẤN | 01.02.05.01 |
| VI | THẺ LOẠI VĂN HỌC | |
| 1 | Văn xuôi | 01.02.06.01 |
| 2 | Thơ | 01.02.06.02 |
| VII | THẺ LOẠI NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI | 01.02.07.01 |
| VIII | THẺ LOẠI BÀI BÁO KHOA HỌC | 01.02.08.01 |
| IX | ẢNH BÁO CHÍ ĐƯỢC SƯU TẦM HOẶC CỦA TÁC GIẢ CHỤP GỬI ĐĂNG | |
| 1 | Tin ảnh của tác giả chụp gửi đăng | 01.02.09.01 |

| STT | Tên thể loại | Mã hiệu chương trình theo Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT |
|----------|--|--|
| 2 | Ảnh minh họa sưu tầm | 01.02.09.02 |
| 3 | Ảnh minh họa của tác giả chụp gửi đăng | 01.02.09.03 |
| X | TRANH BÁO CHÍ ĐƯỢC SƯU TẦM HOẶC CỦA TÁC GIẢ VẼ GỬI ĐĂNG | |
| 1 | Tranh minh họa sưu tầm | 01.02.10.01 |
| 2 | Tranh minh họa tác giả vẽ gửi đăng | 01.02.10.02 |
| 3 | Tranh biếm họa sưu tầm | 01.02.10.03 |
| 4 | Tranh biếm họa tác giả vẽ gửi đăng | 01.02.10.04 |

Phụ lục II

ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC THIẾT KẾ, CHẾ BẢN BÁO IN
(Kèm theo Quyết định số 41 /2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Công tác thiết kế, chế bản báo in áp dụng bằng 100% định mức kinh tế - kỹ thuật của Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT.

| STT | Khung bố cục | Mã hiệu khung bố cục theo Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT |
|------------|--|--|
| I | THIẾT KẾ LAYOUT TRANG BÁO IN | |
| 1 | Thiết kế layout trang báo in khổ A3 | 02.01.01.01 |
| 2 | Thiết kế layout trang báo in khổ A4 | 02.01.01.02 |
| II | THIẾT KẾ TRÌNH BÀY TRANG NHẬT TỜ BÁO IN | |
| 1 | Thiết kế trình bày trang nhật tờ báo in khổ A3 | 02.02.01.01 |
| 2 | Thiết kế trình bày trang nhật tờ báo in khổ A4 | 02.02.01.02 |
| 3 | Thiết kế trình bày trang bìa ngoài báo in dạng sách (bao gồm tạp chí in, đặc san), bìa cơ bản, đơn giản, hài hoà giữa chữ và hình ảnh minh họa | 02.02.01.03 |
| III | THIẾT KẾ TRÌNH BÀY CHỮ TRONG BÁO IN | 02.02.01.01 |
| IV | THIẾT KẾ TRÌNH BÀY TRANH, ẢNH TRONG BÁO IN | 02.04.01.01 |
| V | THIẾT KẾ TRÌNH BÀY BẢNG, HỘP CHỮ TRONG BÁO IN | 02.05.01.01 |

Phụ lục III

ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC THIẾT KẾ, CHẾ BẢN, ĐĂNG TẢI BÁO ĐIỆN TỬ
(Kèm theo Quyết định số 11 /2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Công tác thiết kế, chế bản, đăng tải báo điện tử áp dụng bằng 100% định mức ban hành kèm của Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT.

| STT | Khung bố cục, đăng tải | Mã hiệu khung bố cục, đăng tải theo Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT |
|-----|--|--|
| I | THIẾT KẾ LAYOUT TRANG BÁO ĐIỆN TỬ | 03.01.01.01 |
| II | THIẾT KẾ TRÌNH BÀY TRANG TRƯỢT (SLIDE) BÁO ĐIỆN TỬ | |
| 1 | Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có chữ cho báo điện tử | 03.02.01.01 |
| 2 | Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có bảng biểu, hộp chữ cho báo điện tử: | 03.02.01.02 |
| 3 | Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có tranh, ảnh cho báo điện tử | 03.02.01.03 |
| 4 | Thiết kế trình bày trang trượt (slide) chỉ có video cho báo điện tử | 03.02.01.04 |
| 5 | Thiết kế trình bày trang trượt (slide) hỗn hợp các dạng chữ, bảng biểu, hộp chữ, tranh, ảnh, video cho báo điện tử | 03.02.01.05 |
| III | THIẾT KẾ TRÌNH BÀY CHỮ TRONG BÁO ĐIỆN TỬ | 03.03.01.01 |
| IV | THIẾT KẾ TRÌNH BÀY TRANH, ẢNH TRONG BÁO ĐIỆN TỬ | 03.04.01.01 |
| V | THIẾT KẾ TRÌNH BÀY BẢNG, HỘP CHỮ TRONG BÁO ĐIỆN TỬ | 03.05.01.01 |

Phụ lục IV

ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC IN CÁC LOẠI ẢN PHẨM BÁO IN
(Kèm theo Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Công tác in các loại ản phẩm báo in áp dụng bằng 100% định mức ban hành kèm của Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT.

| STT | Các công đoạn | Mã hiệu các công đoạn theo Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT |
|-----|--|---|
| I | CÔNG TÁC BÌNH BẢN THỦ CÔNG | 04.01.01.01 |
| II | CÔNG TÁC IN BẢN CAN | 04.02.01.01 |
| III | CÔNG TÁC GHI BẢN PHIM VÀ BÌNH BẢN | 04.03.01.01 |
| IV | CÔNG TÁC GHI BẢN KẼM TỪ BẢN CAN HOẶC BẢN PHIM | 04.04.01.01 |
| V | CÔNG TÁC GHI BẢN KẼM TỪ FILE VÀO MÁY | 04.05.01.01 |
| VI | CÔNG TÁC IN OFFSET 1 MÀU, 2 MÀU VÀ 4 MÀU | |
| 1 | Công tác in offset 1 màu (màu đen), giấy cuộn, in báo khổ giấy 608mm X 914 mm, in 2 mặt đồng thời | 04.06.01.01 |
| 2 | Công tác in offset 1 màu (màu khác màu đen), giấy cuộn, in báo khổ giấy 608mm X 914mm, in 2 mặt đồng thời | 04.06.01.02 |
| 3 | Công tác in offset 2 màu giấy cuộn, in báo khổ giấy 608mm X 914mm, in 2 mặt đồng thời | 04.06.01.03 |
| 4 | Công tác in offset 4 màu giấy cuộn, in báo khổ giấy 608mm X 914mm, in 2 mặt đồng thời | 04.06.01.04 |
| 5 | Công tác in offset, 1 màu (màu đen), giấy rời, in báo khổ giấy 790mm X 1090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công | 04.06.01.05 |
| 6 | Công tác in offset, 1 màu (màu khác màu đen), giấy rời, in báo khổ giấy 790mm X 1090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công | 04.06.01.06 |
| 7 | Công tác in offset, 2 màu, giấy rời, in báo khổ giấy 790mm X 1090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công | 04.06.01.07 |
| 8 | Công tác in offset, 4 màu, giấy rời, in báo khổ giấy 790mm X 1090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công | 04.06.01.08 |

BẮC NINH

| STT | Các công đoạn | Mã hiệu các công đoạn theo Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT |
|-------------|---|---|
| VII | CÔNG TÁC XÉN | |
| 1 | Công tác xén 1 mặt để gấp | 04.07.01.01 |
| 2 | Công tác xén 3 mặt để hoàn thiện ấn phẩm dạng cuốn (dạng quyển) | 04.07.01.02 |
| VIII | CÔNG TÁC GẤP | 04.08.01.01 |
| IX | CÔNG TÁC ĐÓNG TẬP | |
| 1 | Công tác đóng tập lồng, dập ghim ấn phẩm dạng cuốn khổ A4 | 04.09.01.01 |
| 2 | Công tác đóng tập lồng, dập ghim ấn phẩm dạng cuốn khổ A3 | 04.09.01.02 |
| 3 | Công tác đóng ấn phẩm dạng cuốn bằng phương pháp khâu chỉ | 04.09.01.03 |
| 4 | Công tác đóng ấn phẩm dạng cuốn bằng phương pháp keo nhiệt vào bìa | 04.09.01.04 |
| X | CÔNG TÁC VÀO BÌA | |
| 1 | Công tác lồng trang nhất báo bằng phương pháp thủ công | 04.10.01.01 |
| 2 | Công tác vào bìa ấn phẩm dạng cuốn bằng phương pháp khâu chỉ, dán keo | 04.10.01.02 |